

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2019/DS-ST

Ngày: 08-8-2019

V/v: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thanh Diễm.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 3 năm 2019). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967. Có mặt

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre .

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Huỳnh Minh T1 trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 25/6/2017 (Âl), bà Nguyễn Thị T có vay bà Nguyễn Thị Thu V số tiền là 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng, thời

hạn vay là từ ngày 25/6/2017 (Âl) đến ngày 25/01/2018 (Âl), hai bên có làm giấy tay. Ngày 11/3/2018 (Âl), bà T tiếp tục vay số tiền là 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng, thời hạn vay là 02 tháng. Cả hai lần vay tiền, bà T nói mục đích vay để lo công việc gia đình. Đến thời hạn trả nợ, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà V, bà V nhiều lần đòi nợ nhưng bà T không trả.

Nay bà Nguyễn Thị Thu V yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả số tiền là 65.831.000 (sáu mươi lăm triệu tám trăm ba mươi một) đồng, trong đó bao gồm: tiền vốn là 60.000.000 đồng và tiền lãi của giấy mượn tiền ngày 25/6/2017 Âl (từ ngày 26/01/2018 Âl đến ngày 26/3/2019 Âl là: $32.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 14 \text{ tháng} = 3.731.840 \text{ đồng}$, giấy mượn tiền ngày 11/3/2018 Âl (từ ngày 12/5/2018 Âl đến ngày 12/02/2019 Âl) là: $28.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 09 \text{ tháng} = 2.099.160 \text{ đồng}$.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà không thừa nhận vay hai lần tiền lần lượt theo đơn khởi kiện là 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng và 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng. Thực tế đây không phải tiền tiền vay mà là tiền hui giữa bà với bà V. Bà thừa nhận có ký tên và ghi họ tên vào hai tờ giấy mượn tiền ngày 25/6/2017 (Âl) và 11/3/2018 (Âl) nhưng đây là tiền hui chết và tiền lãi của bà mà bà V cộng dồn thành số tiền nêu trên. Bà khẳng định chỉ còn nợ bà V tiền hui là 17.900.000 (mười bảy triệu chín trăm nghìn) đồng và tiền vay là 10.000.000 (mười triệu) đồng. Tổng số tiền là 27.900.000 (hai mươi bảy triệu chín trăm nghìn) đồng. Bà không đồng ý trả số tiền là 65.831.000 (sáu mươi lăm triệu tám trăm ba mươi một nghìn) đồng như bà V khởi kiện. Bà chỉ đồng ý trả số tiền là 27.900.000 (hai mươi bảy triệu chín trăm nghìn) đồng, không đồng ý trả số tiền theo giấy mượn tiền ngày 25/6/2017 Âl và ngày 11/3/2018 Âl. Bà xin trả dần mỗi tháng 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

Lúc bà tham gia hui với bà V thì ông Nguyễn Văn Đ không biết. Hiện tại, bà và ông Đ vẫn là vợ chồng sống chung địa chỉ nêu trên. Tại phiên tòa hôm nay, bà đồng ý trả cho bà V số tiền là 65.831.000 (sáu mươi lăm triệu tám trăm ba mươi một nghìn) đồng, bà không đồng ý ông Đ có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên cùng với bà.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã triệu tập họp lệ nhiều lần người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ để tiến hành công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Huỳnh Minh T1 thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ thực hiện không đúng quy định tại Điều 70, 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền vốn vay là 60.000.000 (*sáu mươi triệu*) đồng, yêu cầu tiền lãi đối với số tiền 32.000.000 (*ba mươi hai triệu*) đồng kể từ ngày bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày 26/3/2019 và tiền lãi đối với số tiền 28.000.000 (*hai mươi tám triệu*) đồng kể từ ngày bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày bà V khởi kiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tổng cộng là 5.831.000 (*năm triệu tám trăm ba mươi một nghìn*) đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền là 65.831.000 (*sáu mươi lăm triệu tám trăm ba mươi một nghìn*) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Thu V khởi kiện bà Nguyễn Thị T. Hiện nay, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ông Nguyễn Văn Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn Đ.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2019 và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Huỳnh Minh T1 yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ trả số tiền là 60.000.000 (*sáu mươi triệu*) đồng theo “giấy mượn tiền ngày 25 tháng 06 năm 2017 Âl” và “giấy mượn tiền ngày 11 tháng 03 năm 2018 Âl”, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu V là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngày 25/6/2017 (Âl), bà Nguyễn Thị T có vay tiền của bà Nguyễn Thị Thu V với số tiền là 32.000.000 (*ba mươi hai triệu*) đồng và ngày 11/3/2018 (Âl), bà Nguyễn Thị T có vay tiền của bà Nguyễn Thị Thu V với số tiền là 28.000.000 (*hai mươi tám triệu*) đồng, việc lập hợp đồng vay tài sản hai bên hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị Thu V và bà Nguyễn Thị T là có thật và hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V đối với bà Nguyễn Thị T trả số tiền là 60.000.000 (*sáu mươi triệu*) đồng và tiền lãi giấy mượn tiền ngày 25/6/2017 Âl (từ ngày 26/01/2018 Âl đến ngày 26/3/2019 Âl) là: 32.000.000 đồng x 0,833% x 14 tháng = 3.731.840 đồng, giấy mượn tiền ngày 11/3/2018 Âl

(từ ngày 12/5/2018 Âl đến ngày 12/02/2019 Âl) là: $28.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 09 \text{ tháng} = 2.099.160 \text{ đồng}$.

[4.1] Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Huỳnh Minh T1, “giấy mượn tiền ngày 25 tháng 06 năm 2017 Âl” và “giấy mượn tiền ngày 11 tháng 03 năm 2018 Âl” có chữ ký và họ tên của bà Nguyễn Thị T. Tại Biên bản hòa giải ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre thì bà Nguyễn Thị T thừa nhận chữ ký và ghi họ tên là của bà nên có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị T đã vay của bà Nguyễn Thị Thu V số tiền là 60.000.000 (*sáu mươi triệu*) đồng. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị T thừa nhận tiền vay là 10.000.000 đồng và tiền hui là 17.900.000 đồng nên bà đồng ý trả số tiền là 27.900.000 đồng, bà không đồng ý trả số tiền theo giấy mượn tiền ngày 25/6/2017 Âl và 11/3/2018 Âl nhưng bà T không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T đồng ý trả số tiền là 60.000.000 (*sáu mươi triệu*) đồng. Do đó, có cơ sở buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền vay là 60.000.000 (*sáu mươi triệu*) đồng, phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu V về tiền lãi đối với giấy mượn tiền ngày 25/6/2017 Âl (từ ngày 26/01/2018 Âl đến ngày 26/3/2019) là 3.731.840 (*ba triệu bảy trăm ba mươi một nghìn tám trăm bốn mươi*) đồng và giấy mượn tiền ngày 11/3/2018 Âl (từ ngày 12/5/2018 Âl đến ngày 12/02/2019) là 2.099.160 (*hai triệu không trăm chín mươi chín nghìn một trăm sáu mươi*) đồng. Tại “giấy mượn tiền ngày 25 tháng 06 năm 2017 Âl” và “giấy mượn tiền ngày 11 tháng 03 năm 2018 Âl” thì bà Nguyễn Thị Thu V và bà Nguyễn Thị T không thỏa thuận lãi suất. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời hạn chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định là 20%/năm tức là 10%/năm tương đương là 0,833%/tháng. Do đó, yêu cầu tiền lãi của bà Nguyễn Thị Thu V giấy mượn tiền ngày 25/6/2017 Âl (từ ngày 26/01/2018 Âl đến ngày 26/3/2019 Âl) là: $32.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 14 \text{ tháng} = 3.731.840 \text{ đồng}$, giấy mượn tiền ngày 11/3/2018 Âl (từ ngày 12/5/2018 Âl đến ngày 12/02/2019 Âl) là: $28.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 09 \text{ tháng} = 2.099.160 \text{ đồng}$; tổng cộng là 5.831.000 (*năm triệu tám trăm ba mươi một nghìn*) đồng.

[5] Xét trách nhiệm liên đới của ông Nguyễn Văn Đ: Tại “giấy mượn tiền ngày 25 tháng 06 năm 2017 Âl” và “giấy mượn tiền ngày 11 tháng 03 năm 2018 Âl”, bà Nguyễn Thị T là người ký nhận nợ, không có ông Nguyễn Văn Đ ký nhận nợ. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Huỳnh Minh T1 cho rằng Giấy mượn tiền chỉ có bà T ký tên nhưng ông Đ và bà T là vợ chồng; bà T vay của bà V nhằm mục đích chăm lo công việc gia đình của bà T, ông Đ. Tại Biên bản xác minh ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre thì bà T và ông Đ là vợ chồng đang tồn tại hôn nhân

hợp pháp; việc vay giữa bà V và bà T là trong thời kỳ hôn nhân của bà T, ông Đ. Tại phiên tòa, bà T thừa nhận vay tiền của bà V nhằm phát triển kinh tế gia đình, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông Đ có trách nhiệm liên đới với bà T trả số tiền là 65.831.000 (*sáu mươi lăm triệu tám trăm ba mươi một nghìn*) đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ trả số tiền là 65.831.000 (*sáu mươi lăm triệu tám trăm ba mươi một nghìn*) đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 60.000.000 (*sáu mươi triệu*) đồng và tiền lãi là 5.831.000 (*năm triệu tám trăm ba mươi một nghìn*) đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ phải chịu là: 65.831.000 đồng x 5% = 3.291.550 (*ba triệu hai trăm chín mươi một nghìn năm trăm năm mươi*) đồng.

[7] Tại phiên tòa, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 288 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V đối với bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền là 65.831.000 (*sáu mươi lăm triệu tám trăm ba mươi một nghìn*) đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 60.000.000 (*sáu mươi triệu*) đồng và tiền lãi là 5.831.000 (*năm triệu tám trăm ba mươi một nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ phải nộp là 3.291.550 (*ba triệu hai trăm chín mươi một nghìn năm trăm năm mươi*) đồng.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Nguyễn Thị Thu V là 1.645.000 (*một triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số

0002053 ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Kim Trường Sơn